

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 452/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 14 tháng 08 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Bà Rịa – TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình nguyên nhân thay đổi giữa Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 công ty lập so với Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 đã soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2026 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Công văn số: 451 /TRC-TCKT

ngày 14/08/2026



Đại diện tổ chức

Người ủy quyền công bố thông tin

Nguyễn Nhật Thành Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**
Số : 451 /TRC

V/v Giải trình nguyên nhân thay đổi giữa
BCTC 6 tháng đầu năm 2026 do công ty
lập và BCTC 6 tháng đầu năm 2026 đã
soát xét.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất xin giải trình Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2026 do công ty lập thay đổi so với Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT : Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2026(chưa Kiểm toán)	6 tháng đầu năm 2026 (đã Kiểm toán)	Thay đổi
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	266.776.732.134	265.415.026.576	(1.361.705.558)
	Đầu tư nắm giữ ngắn hạn	123	210.300.000.000	214.181.186.988	3.881.186.988
	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	10.935.632.957	7.054.445.969	(3.881.186.988)
	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.981.543.468	2.100.356.480	(3.881.186.988)
	Hàng tồn kho	141	24.701.727.529	11.173.584.126	(13.528.143.403)
	Tài sản sinh học ngắn hạn	152		13.676.900.554	13.676.900.554
	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	8.399.457.084	6.888.994.375	(1.510.462.709)
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	147.936.956.360	147.865.583.146	(71.373.214)
	Tài sản cố định	220	86.524.657.394	86.526.612.317	1.954.923
	Tài sản dài hạn khác	270	6.306.675.751	6.233.347.614	(73.328.137)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)		414.713.688.494	413.280.609.722	(1.433.078.772)
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	23.915.961.706	25.227.841.776	1.311.880.070
	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.303.620.218	1.303.620.218
	Thuế và các khoản oхай nộp Nhà nước ngắn hạn	314	1.942.657.643	1.549.763.359	(392.894.284)
	Phải trả người lao động	315	111.856.592	303.238.446	191.381.854
	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	1.065.693.583	2.234.943.583	1.169.250.000
	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	268.367.500	612.510.000	344.142.500
	Phải trả ngắn hạn khác	320	3.259.169.125	1.955.548.907	(1.303.620.218)
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	390.797.726.788	388.052.767.946	(2.744.958.842)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	92.465.069.498	89.720.110.656	(2.744.958.842)
	Năm trước	420a	1.601.344.989	50.846.794.966	49.245.449.977
	Năm nay	420b	90.863.724.509	38.873.315.690	(51.990.408.819)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(C+D)		414.713.688.494	413.280.609.722	(1.433.078.772)

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT : Đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026(chưa Kiểm toán)	6 tháng đầu năm 2026 (đã Kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	90.483.013.579	90.138.871.079	(344.142.500)	
2	Giá vốn hàng bán	51.607.584.690	53.913.477.298	2.305.892.608	
3	Lợi nhuận gộp	38.875.428.889	36.225.393.781	(2.650.035.108)	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	18.066.647.614	18.066.647.614	0	
5	Chi phí tài chính	0	0	0	
6	Chi phí bán hàng	6.672.456.292	6.863.838.146	191.381.854	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.650.861.619	4.937.490.056	286.628.437	
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.618.758.292	42.490.713.193	(3.128.045.099)	
9	Thu nhập khác	23.013.000	12.204.973	(10.108.027)	
10	Chi phí khác	29.963.522	29.963.522	0	
11	Lợi nhuận khác	(7.950.522)	(17.758.549)	(9.808.027)	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.610.807.770	42.472.954.644	(3.137.853.126)	
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.992.533.238	3.599.638.954	(392.894.284)	
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.618.274.532	38.873.315.690	(2.744.958.842)	

Nguyên nhân thay đổi :

I > BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A. Tài Sản Ngắn hạn giảm: 1.361.705.558 đồng

- Đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn (Mã số 123) tăng 3.881.186.988 đồng. Nguyên nhân phân loại khoản lãi dự thu từ phải thu sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho mục đích trình bày BCTC theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

- Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Mã số 135) giảm 3.881.186.988 đồng. Nguyên nhân phân loại khoản lãi dự thu từ phải thu sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho mục đích trình bày BCTC theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

- Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 130) giảm 3.881.186.988 đồng. Nguyên nhân phân loại khoản lãi dự thu từ phải thu sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho mục đích trình bày BCTC theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

- Hàng tồn kho (Mã số 141) giảm 13.528.143.403 đồng. Nguyên nhân phân loại chi phí trồng chuối từ chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang tài khoản sinh học vì Chuối là cây trồng để lấy sản phẩm một lần số tiền giảm là 13.676.900.554 đồng, điều chỉnh diện tích đất xen canh trồng chuối của 6 tháng cuối năm tại Lô 17,18,20,21 tại xã Bàu Lâm số tiền tăng là 148.757.151 đồng.

- Tài khoản sinh học ngắn hạn (Mã số 152) tăng 13.676.900.554 đồng. Nguyên nhân phân loại chi phí trồng chuối từ chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang tài khoản sinh học vì Chuối là cây trồng để lấy sản phẩm một lần số tiền là 13.676.900.554 đồng.

- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn (Mã số 161) giảm 1.510.462.709 đồng. Nguyên nhân tăng chi phí chờ phân bổ NTCS HB2 do điều chỉnh tiền thuê đất số tiền : 1.508.974.759 đồng, điều chỉnh chi phí khấu hao của những TSCĐ đã trích khấu hao trong kỳ nhiều hơn so với giá trị còn lại đầu kỳ số tiền 1.487.950 đồng.

B. Tài sản dài hạn giảm: 71.373.214 đồng

- Tài sản cố định (Mã số 220) tăng 1.954.923 đồng.
- + Nguyên giá Tài sản cố định (Mã số 222) giảm 10.324.239 đồng. Nguyên nhân ghi nhận thanh lý cây cao su ở Đội cao su Phong Phú.
- + Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223) tăng 12.279.162 đồng. Nguyên nhân điều chỉnh chi phí khấu hao của những TSCĐ đã trích khấu hao trong kỳ nhiều hơn so với giá trị còn lại đầu kỳ.
- Tài sản dài hạn khác (Mã số 270) giảm 73.328.137 đồng. Nguyên nhân phân bổ chi phí sửa chữa trụ sở văn phòng ghi nhận thiếu số tiền : 73.328.137 đồng.

C. Nợ phải trả tăng : 1.311.880.070 đồng

Nợ ngắn hạn (Mã số 310) tăng 1.311.880.070 đồng

- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Mã số 313) tăng 1.303.620.218 đồng. Nguyên nhân phân loại khoản cổ tức phải trả từ chỉ tiêu phải trả khác sang chỉ tiêu phải trả cổ tức lợi nhuận cho mục đích trình bày BCTC theo TT 99/2025/TT-BTC.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313) giảm 392.894.284 đồng. Nguyên nhân điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ 6 tháng năm 2026.
- Phải trả người lao động (Mã số 315) tăng 191.381.854 đồng. Nguyên nhân ghi nhận bổ sung tiền lương sơ chế và đóng gói chuối từ ngày 16/6 đến ngày 30/06/2026.
- Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 316) tăng 1.169.250.000 đồng. Nguyên nhân trích trước tiền lương tháng 13 cho 6 tháng đầu năm 2026.
- Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn (Mã số 319) tăng 344.142.500 đồng. Nguyên nhân điều chỉnh doanh thu cho thuê đất xen canh đã ghi nhận căn cứ theo thời hạn thuê đất của HTX SX TM NN Thành Phát số tiền tăng là : 549.780.000 đồng, ghi nhận thu nhập cho thuê đất xen canh từ Ông Trương Minh Trí và Ông Chiu A Sy trong 6 tháng đầu năm 2026 số tiền giảm là : 205.637.500 đồng.
- Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 320) giảm 1.303.620.218 đồng. Nguyên nhân phân loại khoản cổ tức phải trả từ chỉ tiêu phải trả khác sang chỉ tiêu phải trả cổ tức lợi nhuận cho mục đích trình bày BCTC theo TT 99/2025/TT-BTC.

D. Vốn Chủ sở hữu giảm : 2.744.958.842 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 421b) giảm : 2.744.958.842 đồng. Nguyên nhân là giảm doanh thu, giá vốn của kỳ tháng 06/2026. Doanh thu chưa thực hiện đối với hợp đồng xen canh trồng chuối với Ông Trương Minh Trí và Ông Chiu A Sy, HTX SX TM NN Thành Phát, Trích trước tiền lương tháng 13 của 6 tháng đầu năm 2026, chi phí cải tạo văn phòng 6 tháng đầu năm 2026.

II >. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 344.142.500 đồng. Nguyên nhân điều chỉnh doanh thu cho thuê đất xen canh đã ghi nhận căn cứ theo thời hạn thuê đất của HTX SX TM NN Thành Phát số tiền tăng là : 549.780.000 đồng, ghi nhận thu nhập cho thuê đất xen canh từ Ông Trương Minh Trí và Ông Chiu A Sy trong 6 tháng đầu năm 2026 số tiền giảm là : 205.637.500 đồng.
- Giá vốn hàng bán tăng 2.305.892.608, đồng. Nguyên nhân tăng chi phí trích trước tiền lương tháng 13 của 6 tháng đầu năm 2026 số tiền tăng là 955.950.000 đồng, ghi nhận lại tiền thuê đất của NTCS Hoà bình 2 số tiền tăng là : 1.508.974.759 đồng, giảm chi phí khấu hao TSCĐ đã trích khấu hao trong kỳ nhiều hơn so với giá trị khấu hao đầu kỳ số tiền giảm 10.275.000 đồng, điều chỉnh xen canh trồng chuối 6 tháng cuối năm lô 17,18,20,21 số tiền giảm 148.757.151 đồng.
- Lợi nhuận gộp giảm 2.650.035.108, đồng. Nguyên nhân giảm doanh thu, giá vốn của kỳ tháng 06/2026 do những nguyên nhân trên.

- Doanh thu hoạt động tài chính không thay đổi.
- Chi phí bán hàng tăng 191.381.854, đồng. Nguyên nhân điều chỉnh ghi nhận bổ sung tiền lương sơ chế và đóng gói chuỗi từ ngày 16/06 đến ngày 30/06/2026.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 286.628.437, đồng. Nguyên nhân phân bổ chi phí sửa chữa trụ sở văn phòng ghi nhận thiếu số tiền 73.328.137 đồng. Trích trước tiền lương tháng 13 cho 6 tháng đầu năm 2026 số tiền : 213.300.000 đồng.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 3.128.045.099, đồng. Nguyên nhân tăng doanh thu, tăng chi phí bán hàng, tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thu nhập khác giảm 10.108.027, đồng. Nguyên nhân điều chỉnh ghi nhận thanh lý cây cao su.
- Chi phí khác không thay đổi.
- Lợi nhuận khác giảm 9.808.027 đồng. Nguyên nhân điều chỉnh ghi nhận thanh lý cây cao su.
- Lợi nhuận trước thuế giảm 3.137.853.126 đồng. Nguyên nhân do phân bổ lại doanh thu, giá vốn của kỳ tháng 06/2026 do chi phí cải tạo văn phòng 6 tháng đầu năm 2026, tính lại tiền lương văn phòng 6 tháng đầu năm 2026, tính lại tiền thuê đất cho vườn cây cao su.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 392.894.284 đồng. Nguyên nhân là do tính lại chi phí thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026.
- Lợi nhuận sau thuế giảm 2.744.958.842 đồng. Nguyên nhân là do tính lại chi phí thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất, kính báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh được biết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KTTV, VT(Trình 1b)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nhật Minh Lâm